

Vinh, ngày 03 tháng 03 năm 2021

## THÔNG BÁO TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ SAU ĐẠI HỌC NĂM 2021

Trường Đại học Y khoa Vinh thông báo tuyển sinh trình độ Sau đại học năm 2021 như sau:

### **1. NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH, CHỈ TIÊU, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO, HỌC PHÍ**

#### **1.1. Đào tạo trình độ thạc sĩ (Khóa 1)**

- Ngành tuyển sinh : Y tế công cộng
- Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến : 20 chỉ tiêu
- Hình thức đào tạo : Tập trung 02 năm
- Địa điểm đào tạo : Tại Trường Đại học Y khoa Vinh

#### **1.2. Đào tạo trình độ chuyên khoa cấp I (Khóa 5)**

- Chuyên ngành tuyển sinh : Nội khoa
- Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến : 30 chỉ tiêu
- Hình thức đào tạo : Tập trung 02 năm
- Địa điểm đào tạo : Tại Trường Đại học Y khoa Vinh

#### **1.3. Học phí**

Tạm thu theo Quyết định số 89/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Nghệ An quy định về mức thu học phí trong các cơ sở giáo dục - đào tạo công lập thuộc tỉnh Nghệ An quản lý, năm học 2020-2021. Mức tạm thu 2.070.000 đồng/tháng/học viên (*Sẽ điều chỉnh mức thu khi có văn bản mới thay thế Quyết định 89/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Nghệ An*).

### **2. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN**

Người dự tuyển phải có đủ sức khỏe để học tập theo quy định và hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Các điều kiện khác theo nhóm trình độ như sau:

#### **2.1. Dự tuyển trình độ thạc sĩ**

##### **2.1.1. Điều kiện về văn bằng.**

Người dự tuyển phải có một trong các điều kiện sau:

- a) Có bằng đại học ngành đúng hoặc ngành phù hợp với chuyên ngành dự tuyển (Ngành đúng, ngành phù hợp gồm: Cử nhân Y tế công cộng, Bác sĩ Y học dự phòng).
- b) Có bằng đại học ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi và có chứng chỉ học bổ sung kiến thức khi nộp hồ sơ (Ngành gần gồm: Y đa khoa, Bác sỹ Y học cổ truyền, Bác sĩ Răng hàm mặt, Dược sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh, Dinh dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật phục hình răng, Tổ chức và quản lý y tế, Quản lý bệnh viện, Y sinh học thể dục thể thao).

c) Có bằng đại học khác với chuyên ngành đăng ký dự thi và có chứng chỉ học bổ sung kiến thức khi nộp hồ sơ (Ngành khác gồm: Sinh học, Môi trường, Dân số, Kinh tế, Hóa học, Xã hội học, Nhân học).

#### 2.1.2. Điều kiện thâm niên công tác (tính đến ngày nộp hồ sơ)

- Những người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành Y tế công cộng được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

- Những người tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Y tế công cộng phải có ít nhất 01 năm công tác trong ngành y tế hoặc quản lý sức khỏe.

- Những người tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành Y tế công cộng phải có ít nhất 02 (hai) năm công tác trong ngành y tế hoặc quản lý sức khỏe.

### 2.2. Dự tuyển trình độ chuyên khoa cấp I

#### 2.2.1. Điều kiện về văn bằng.

- Có bằng tốt nghiệp Bác sĩ khoa (Bác sĩ đa khoa). Riêng đối với những Bác sĩ làm việc liên tục trong chuyên ngành nội khoa từ trước ngày 01/01/2012 (*ngày Thông tư số 41/2011/TT-BYT có hiệu lực*) cho đến ngày đăng ký dự thi thì được dự thi chuyên ngành đang làm việc.

- Có chứng chỉ hành nghề (theo quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh).

#### 2.2.2. Điều kiện thâm niên công tác (tính đến ngày nộp hồ sơ)

Đối với trường hợp phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề đã được cấp khác với chuyên ngành dự thi, thì phải có xác nhận của thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về thâm niên công tác tối thiểu 12 tháng trong chuyên ngành nội khoa.

### 2.3. Điều kiện khác

- Các đối tượng không thuộc viên chức trong các cơ sở y tế công lập, nếu có nhu cầu học tập phải đóng kinh phí đào tạo theo đúng quy định của Nhà nước. Tạm thu theo mức: 14.500.000 đồng/năm/học viên.

- Người nước ngoài muốn học thạc sĩ, chuyên khoa cấp I ở Việt Nam phải có đủ các điều kiện quy định ở trên và được Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

## 3. HÌNH THỨC VÀ MÔN THI TUYỂN

### 3.1. Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển

#### 3.2. Môn thi:

##### 3.2.1. Dự tuyển trình độ thạc sĩ: Thi 03 môn

- Môn 1: Cơ sở (Dịch tễ học)

- Môn 2: Chuyên ngành (Tổ hợp môn Sức khỏe môi trường - Tổ chức và Quản lý y tế - Sức khỏe nghề nghiệp - Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm)

- Môn 3: Ngoại ngữ (tiếng Anh). Đề thi tương đương trình độ bậc 2/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Các trường hợp được miễn thi ngoại ngữ xem phần phụ lục.

### 3.2.2. Dự tuyển trình độ chuyên khoa cấp I: Thi 02 môn

- Môn 1: Cơ sở (Sinh lý)
- Môn 2: Chuyên ngành (Nội khoa)

## 4. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

### 4.1. Đối tượng

- a) Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, người dự tuyển phải có quyết định tiếp nhận công tác, tuyển dụng của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.
- b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- c) Con liệt sĩ;
- d) Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động;
- e) Người dân tộc thiểu số hiện có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên (tính đến ngày đăng ký dự thi) ở địa phương được quy định tại mục a;
- f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

### 4.2. Chính sách ưu tiên

Người dự tuyển chỉ được xét ưu tiên khi nộp đầy đủ giấy tờ pháp lý minh chứng về đối tượng ưu tiên. Không giải quyết các trường hợp nộp bổ sung sau khi nhà trường xét duyệt hồ sơ. Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng 01 diện ưu tiên cao nhất.

#### 4.2.1. Dự tuyển trình độ thạc sĩ

Người dự tuyển thuộc diện ưu tiên được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và 01 điểm cho môn cơ sở (thang điểm 10).

#### 4.2.2. Dự tuyển chuyên khoa cấp I

Người dự tuyển thuộc diện ưu tiên được cộng vào kết quả thi 01 điểm cho môn cơ sở (thang điểm 10).

## 5. HỒ SƠ TUYỂN SINH

5.1 Đơn đăng ký dự thi có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự;

5.2. Sơ yếu lý lịch có dán ảnh, đóng dấu xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (cơ quan, đơn vị quản lý nhân sự, xã phường đối với thí sinh tự do);

5.3. Công văn hoặc quyết định cử đi thi tuyển của cơ quan chủ quản có thẩm quyền quyết định nhân sự;

5.4. Bản sao công chứng bảng điểm và bằng tốt nghiệp đại học. Trường hợp tốt nghiệp đại học ở nước ngoài phải nộp giấy xác nhận văn bằng của cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

5.5. Bản sao Hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, tuyển dụng viên chức, quyết định phân công công tác để chứng minh thâm niên công tác.

Giấy xác nhận thâm niên chuyên ngành tối thiểu 12 tháng tính đến thời điểm dự thi đối với người dự tuyển chuyên khoa cấp I có chứng chỉ hành nghề lĩnh vực khác chuyên ngành nội khoa.

#### 5.6. Bản sao công chứng

a) Văn bằng, bảng điểm/chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định đối với những trường hợp thuộc diện miễn thi môn ngoại ngữ;

b) Chứng chỉ bổ sung kiến thức đối với đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác dự tuyển trình độ thạc sĩ y tế công cộng;

c) Chứng chỉ hành nghề đối với người dự tuyển chuyên khoa cấp I;

#### 5.7. Giấy tờ pháp lý minh chứng về đối tượng ưu tiên (nếu có).

5.8. Giấy chứng nhận sức khoẻ (theo Thông tư 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế) trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

5.9. Ảnh 3x4 (*trong vòng 6 tháng tính đến ngày dự thi*) ghi rõ họ tên, ngày sinh và nơi sinh sau ảnh: 04 chiếc

5.10. Hai phong bì thư có dán tem ( $\geq 4.000đ$ ) và ghi rõ địa chỉ người nhận, số điện thoại liên lạc.

#### Lưu ý:

- Hồ sơ đăng ký dự thi do Trường Đại học Y khoa Vinh phát hành.

- Tất cả giấy tờ được xếp theo thứ tự ghi ở mặt ngoài bì hồ sơ dự tuyển. Hội đồng tuyển sinh chỉ nhận hồ sơ đã có đủ giấy tờ theo quy định.

- Thí sinh giả mạo giấy tờ pháp lý, khai man, gian lận hồ sơ sẽ không được dự thi, nếu dự thi mà bị phát hiện sẽ bị hủy kết quả thi.

### 6. KINH PHÍ TUYỂN SINH

- Kinh phí đăng ký dự thi : 100.000 đồng/hồ sơ

- Kinh phí dự thi : 200.000 đồng/môn thi

*Kinh phí tuyển sinh phải được nộp đủ một lần cùng với hồ sơ đăng ký dự thi; Hồ sơ và lệ phí thi tuyển không được hoàn lại nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc người dự tuyển bỏ thi.*

### 7. THỜI GIAN PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ

- Phát hành hồ sơ: Từ ngày 08/03/2021 đến ngày 16/04/2021

- Nhận hồ sơ: Từ ngày 04/05/2021 đến 16 giờ30' ngày 04/06/2021 tại phòng Đào tạo Sau đại học - Trường ĐHYK Vinh.

- Công bố kết quả xét duyệt hồ sơ: Dự kiến ngày 09/06/2021 trên Website của Trường ĐHYK Vinh (<http://vmu.edu.vn>).

### 8. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VÀ XÉT TRÚNG TUYỂN

**8.1. Điều kiện xét tuyển:** Các môn thi phải đạt 50% của thang điểm mỗi môn thi (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có). Không làm tròn điểm từng môn thi.

## 8.2. Xét trúng tuyển

- Xét trúng tuyển trình độ thạc sĩ: Tính tổng điểm môn chuyên ngành và môn cơ sở (không tính môn ngoại ngữ), xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến hết chỉ tiêu. Trường hợp người dự tuyển có tổng điểm bằng nhau, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: Có điểm môn chuyên ngành cao hơn; Được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc có điểm môn ngoại ngữ cao hơn.

- Xét trúng tuyển trình độ chuyên khoa cấp I: Tính tổng điểm môn chuyên ngành và môn cơ sở, xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến hết chỉ tiêu. Trường hợp người dự tuyển có tổng điểm bằng nhau, xét trúng tuyển đối với người có điểm môn chuyên ngành cao hơn.

## 9. THỜI GIAN THI TUYỂN

- Tập trung thí sinh dự thi: Dự kiến 08h30' ngày 12/06/2021
- Hướng dẫn ôn tập: Dự kiến từ ngày 12/06/2021 đến 12/07/2021
- Công bố danh sách phòng thi, phổ biến quy chế thi, phát thẻ dự thi: Dự kiến 08h30' ngày 17/07/2021
  - Thời gian thi dự kiến:
    - + 14h00' ngày 17/07/2021: Thi môn cơ sở
    - + 07h00' ngày 18/07/2021: Thi môn chuyên ngành
    - + 14h00' ngày 18/07/2021: Thi môn ngoại ngữ

## 10. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ THI VÀ NHẬP HỌC

- Công bố kết quả thi: Dự kiến ngày 23/07/2021
- Nhận đơn phúc khảo: Dự kiến từ ngày 24/07/2021 đến 09/08/2021
- Công bố kết quả xét trúng tuyển: Dự kiến ngày 12/08/2021
- Thời gian nhập học: Dự kiến từ ngày 21/08/2021

Khi cần, xin liên hệ phòng Đào tạo Sau đại học - Trường Đại học Y khoa Vinh (161-Nguyễn Phong Sắc, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An), số điện thoại 0238 3524622 - 0943344416 - 0985545898. Thông tin về đào tạo Sau đại học được đăng tải trên Website <http://vmu.edu.vn>.

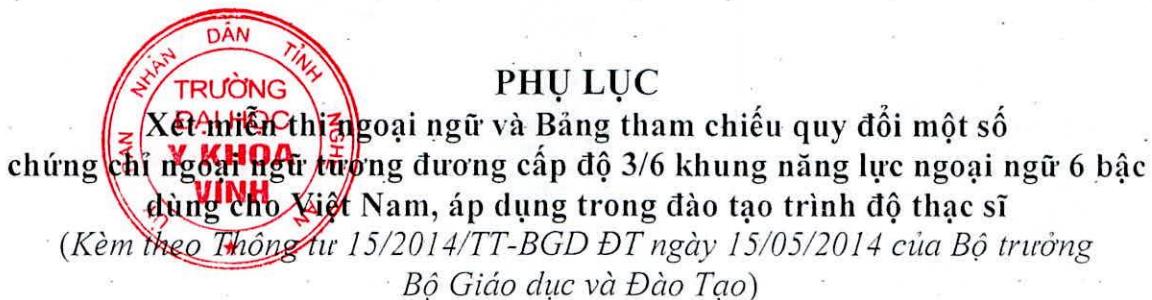
### Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế;
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Các cơ sở y tế;
- Lưu VT, SĐH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Cảnh Phú



## PHỤ LỤC

Xét miễn thi ngoại ngữ và Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, áp dụng trong đào tạo trình độ thạc sĩ

(Kèm theo Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### 1. Đối tượng được miễn thi ngoại ngữ

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam;
- c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;
- d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ từ bậc 3/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

### 2. Bảng tham chiếu quy đổi

#### 2.1. Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450* (105-90)	PET	Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

(\*): TOEIC yêu cầu 4 kỹ năng, trong đó 2 kỹ năng nghe và đọc đạt 450 điểm, kỹ năng nói đạt 105 điểm và viết đạt 90 điểm.

Đối với chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các Trường Đại học tại Việt Nam cấp; chỉ chấp nhận các chứng chỉ được tổ chức thi sau ngày Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản cho phép các Trường tổ chức thi, cấp văn bằng, chứng chỉ theo Thông tư số 23/2017/TT-BGDDT ngày 19/09/2017.

#### 2.2. Một số tiếng khác

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
Cấp độ 3	TRKI 1	DELF B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4